

Bản án số: 65/2024/HC-PT

Ngày: 27 - 02 - 2024

V/v: “*Khiếu kiện Quyết định hành
chính trong lĩnh vực thu hồi đất, bồi
thường, hỗ trợ và tái định cư*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:

ông Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán:

ông Võ Ngọc Thông

ông Phạm Tôn

- Thư ký phiên tòa: bà Văn Thị Mỹ Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Lê Phước Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 386/2023/TLPT-HC ngày 08 tháng 12 năm 2023 về “*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư*”; do Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2023/HC-ST ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 120/2023/QĐ-PT ngày 02 tháng 02 năm 2024; giữa các đương sự:

1- Người khởi kiện: bà Hoàng Thị Thu L, sinh năm 1956; địa chỉ: Khu phố N, phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: ông Trần Thanh B, sinh năm 1968; địa chỉ: B, Ninh Bình, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (theo Giấy ủy quyền ngày 12-01-2024); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Thanh M – Công ty TNHH MTV B3; địa chỉ: số G Đ, phường G, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

2 - Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

- Chủ tịch và Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Công T – Phó chủ tịch UBND thành phố T. Có đơn xin xét xử vắng mặt của ông Cao Đình H, Chủ tịch UBND thành phố T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: bà Nguyễn Thị Xuân Đ – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T; có mặt.

3- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Phòng Tài nguyên và Môi trường tỉnh P; người đại diện – Nguyễn Thị Xuân Đ – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T; có mặt.

- Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T (Ban Q quỹ đất); người đại diện theo ủy quyền có ông Lê Thành N, nhân viên Ban quản lý; có mặt.

- Ủy ban nhân dân phường I, thành phố T; Người đại diện theo ủy quyền: bà Trần Thị Ngọc B1 – Công chức địa chính; có mặt.

- Ông Trần Thanh B, sinh năm 1968; ông Trần Thanh T1, sinh năm 1991; bà Trần Thị Kim H1; sinh năm 1993; cùng địa chỉ: khu phố N, phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Ông B có mặt; anh T1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Hoàng Thanh P (chết); Bà Phan Thị Hồng H2, sinh năm 1969; Hoàng Thanh Y, sinh năm 2000 và Hoàng Thanh B2, sinh năm 2002 (Bà H2, Y, B2 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông P); cùng địa chỉ: khu phố N, phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên; cùng ủy quyền cho bà Phan Thị Hồng H2, có mặt.

- Ông Hoàng Thanh V (chết); bà Huỳnh Thị L1, sinh năm 1972; bà Hoàng Thanh M1, sinh năm 1995; bà Hoàng Thị Thu P1, sinh năm 1992; ông Lê Văn S, sinh năm 1990 (Bà L1, M1, P1 là người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông V); cùng ủy quyền cho bà Phan Thị Hồng H2, có mặt.

- Cháu Lê Hoàng Trung K, sinh năm 2019 và Lê Hoàng Trung H3, sinh năm 2015 có người đại diện hợp pháp là bà Hoàng Thị Thu P1 và ông Lê Văn S, vắng mặt. Cùng địa chỉ: Khu phố N, phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

- Vợ chồng bà Hoàng Thị Thu L2, sinh năm 1959; ông Nguyễn Thanh S1, sinh năm 1950; địa chỉ: Khu phố N, phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

4. Người kháng cáo: bà Hoàng Thị Thu L và Chủ tịch UBND thành phố T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Nội dung vụ án được tóm tắt theo trình bày của các đương sự:

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 01/12/2022 và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện trình bày:

Nguyên cha mẹ của bà L là cụ Hoàng L3 và cụ Lê Thị T2 khi còn sống có tạo lập được căn nhà trên diện tích đất 317m², thuộc thửa 131, tờ bản đồ 280A, tọa lạc tại: Khu phố N, phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Sau khi cụ T2 chết (năm 1970), cụ Lê đ kinh tế mới ở thôn T, xã H, thành phố T và có giao cho bà L đại diện đứng tên kê khai đất với nhà nước vì lý do bà L là chị cả trong gia đình. Nhưng thực tế, bà L không được giao, chia cho nhà ở của cha mẹ để lại cũng như không quản lý, sử dụng thửa đất 131. Mà vợ chồng bà và ông Trần Thanh B (sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn và có 02 con chung là Trần Thanh T1 và Trần Thị Kim H1) ở trên phần đất đối diện (phía bên kia đường M) và đã làm chái tạm để sinh sống từ năm 1993.

Đến khi cụ Lê t về thì gia đình họp thống nhất lập văn bản Thỏa thuận phân chia di sản và tài sản ngày 20/01/2006 (BL 190), Biên bản họp gia đình ngày 20/5/2014 (BL 197) đều có xác nhận của chính quyền địa phương: Theo đó bà L đã giao toàn bộ nhà ở của cụ L3, cụ T2 cùng diện tích đất 317m², thuộc thửa 131 cho em trai là Hoàng Thanh P quản lý sử dụng, thực tế hiện nay trên thửa đất 131 có 03 ngôi nhà gồm: nhà của bà L2, nhà của vợ chồng bà L1, nhà của vợ chồng bà H2 và các hộ này tự kê khai nộp thuế, xin phép xây dựng sửa chữa nhà ở cũng như kê khai đăng ký xin cấp GCNQSDĐ. Riêng bà L không còn liên quan gì đến nhà đất của cha mẹ tại thửa 131 mà bà ở cùng ông B và 02 con T1, H1 tại nhà chái tạm đối diện bên kia đường M.

Đến khi U và các cơ quan liên quan khi triển khai thực hiện Công trình: Đầu tư mở rộng dự án T, phường E, thành phố T và xác định nhà ở của gia đình bà gắn liền trên diện tích đất 49,8m², thửa đất 107, mảnh đo đạc chính lý bản đồ địa chính số 05-2018, tọa lạc tại: Khu phố N, phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên có nguồn gốc đất là bà Lý chiếm đất do nhà nước quản lý từ năm 2005 đến nay tại thửa 194, tờ bản đồ 280A, loại đất Hg (H), diện tích 11.120m². Đồng thời, cho rằng bà L đứng tên thửa đất 131, tờ bản đồ 280A nêu trên nên khi tiến hành thu hồi đất không giải quyết bồi thường về đất và tái định cư mà chỉ được hỗ trợ chi phí di chuyển nhà ở 6.000.000đồng và hỗ trợ nhà cửa, vật kiến trúc là 52.514.630đ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của hộ gia đình bà L, do đó, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Hủy Quyết định số 1215/QĐ-UBND ngày 07/4/2021 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất để thực hiện Công trình: Đầu tư mở rộng dự án T, phường E, thành phố T;

+ Hủy Quyết định số 1613/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 của UBND thành phố T về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đối với bà Hoàng Thị Thu L trúng giải tỏa Công trình: Đầu tư mở rộng dự án T, phường E, thành phố T (Phường I, Đ);

+ Hủy Quyết định số 18/QĐ-CC ngày 16/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc cưỡng chế thu hồi đất; Quyết định số 4626/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T “*V/v điều chỉnh một phần nội dung Điều 1, Quyết định số 18/QĐ-CC ngày 16/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T*”;

+ Hủy Quyết định số 1219/QĐ-UBND ngày 07/4/2021 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện Công trình: Đầu tư mở rộng dự án T, phường E, thành phố T (Phường I, Đ) kèm theo Phương án số 12/PA-PTQĐ ngày 31/3/2021 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T – phần liên quan đến bà Hoàng Thị Thu L;

+ Đồng thời, yêu cầu Tòa án buộc U ban hành lại các quyết định hành chính có liên quan đến việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ gia đình bà L theo quy định pháp luật.

- *Người bị kiện* UBND thành phố T và *Chủ tịch* UBND thành phố T *cùng trình bày*: Giữ nguyên ý kiến theo nội dung Văn bản số 3313/UBND ngày 12/6/2022 (BL 58-59), cụ thể:

Thực hiện Công trình: Đầu tư mở rộng dự án T, phường E, thành phố T, ngày 25/12/2018, U ban hành Kế hoạch số 251/KH-UBND về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm và các Thông báo thu hồi đất cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có sử dụng các thửa đất bị thu hồi (trong đó có thửa 107, do bà Hoàng Thị Thu L đang sử dụng đất do UBND phường I quản lý);

Về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, xây dựng nhà ở, công trình, VKT gắn liền với đất: Đối chiếu với bản đồ địa chính đo đạc năm 1994, sổ mục kê năm 1998, thì diện tích 49,8m² đất thuộc thửa 107 – Mảnh đo đạc chính lý bản đồ địa chính số 05-2018 thuộc thửa 194, tờ bản đồ 280A, loại đất: Hg (đất hoang); diện tích 11.120m², tên chủ sử dụng đất là đất chưa sử dụng (đất do nhà nước quản lý). Bà L chiếm đất nhà nước quản lý từ năm 2005 sử dụng dựng nhà tạm để ở cho đến nay.

Qua kiểm tra hồ sơ địa chính: Bà L có tên trong Sổ mục kê lập năm 1998, thửa 131, TĐĐ 280A, diện tích 317m² (trong đó có 200m² đất Thổ, 51m² đất quy hoạch Thổ và 66m² đất QHGT), vị trí thửa đất này không phải là vị trí thửa đất trùng giải tỏa của dự án nêu trên.

Đồng thời, qua thu thập thông tin: Bà Hoàng Thị Thu L lập gia đình năm 1990 và sinh sống tại thửa đất 131. Đến năm 2005, bà L chiếm phần diện tích 49,8m² đất, thửa 107 (là thuộc một phần của thửa 194), sử dụng cho đến nay. Qua kiểm tra vị trí đất thửa 131 thì các em bà L đã xây dựng nhà ở, gồm: Hoàng Thanh P, Hoàng Thị Thu L4, Hoàng Thị Thu L2.

Do đó, việc người bị kiện ban hành các quyết định hành chính:

+ Quyết định số 1215/QĐ-UBND ngày 07/4/2021 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất để thực hiện Công trình: Đầu tư mở rộng dự án T, phường E, thành phố T;

+ Quyết định số 1219/QĐ-UBND ngày 07/4/2021 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện Công trình: Đầu tư mở rộng dự án T, phường E, thành phố T (Phường I, Đ) kèm theo Phương án số 12/PA-PTQĐ ngày 31/3/2021 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T – phần liên quan đến bà Hoàng Thị Thu L;

+Quyết định số 1613/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 của UBND thành phố T về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đối với bà Hoàng Thị Thu L trúng giải tòa Công trình: Đầu tư mở rộng dự án T, phường E, thành phố T (Phường I, Đ);

+Quyết định số 18/QĐ-CC ngày 16/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc cưỡng chế thu hồi đất; Quyết định số 4626/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T “*V/v điều chỉnh một phần nội dung Điều 1, Quyết định số 18/QĐ-CC ngày 16/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T*”;

Là đúng trình tự, đúng thẩm quyền quy định của pháp luật.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- *Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố T, Ủy ban nhân dân phường I đều thống nhất trình bày tại phiên tòa sơ thẩm: Thống nhất như ý kiến của người bị kiện UBND thành phố T và Chủ tịch UBND thành phố T.*

- Ông Trần Thanh T1, ông Trần Thanh B, bà Phan Thị Hồng H2 - đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của Hoàng Thanh Y, Hoàng Thanh B2-, bà Huỳnh Thị L1 - đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của Hoàng Thanh M1, Hoàng Thị Thu P1-, bà Hoàng Thị Thu L2 -đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Thanh S1 - đều thống nhất trình bày: Thống nhất như yêu cầu khởi kiện và ý kiến trình bày của người khởi kiện bà Hoàng Thị Thu L.

[2] Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2023/HC-ST ngày 25 tháng 7 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tổ tụng Hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 100, Điều 101 Luật đất đai năm 2013.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Thu L về các yêu cầu:

+ Hủy Quyết định số 1215/QĐ-UBND ngày 07/4/2021 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất để thực hiện Công trình: Đầu tư mở rộng dự án T, phường E, thành phố T.

+ Hủy Quyết định số 1219/QĐ-UBND ngày 07/4/2021 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện Công trình: Đầu tư mở rộng dự án T, phường E, thành phố T (Phường I, Đ) kèm theo Phương án số 12/PA-PTQĐ ngày 31/3/2021 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T – phần liên quan đến bà Hoàng Thị Thu L.

+ Hủy Quyết định số 1613/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 của UBND thành phố T về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đối với bà Hoàng Thị Thu L trúng

giải tòa Công trình: Đầu tư mở rộng dự án T, phường E, thành phố T (Phường I, Đ).

+ Hủy Quyết định số 18/QĐ-CC ngày 16/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc cưỡng chế thu hồi đất; Quyết định số 4626/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T “*V/v điều chỉnh một phần nội dung Điều 1, Quyết định số 18/QĐ-CC ngày 16/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T*”.

+ Yêu cầu Tòa án buộc U phải thực hiện lại trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi tiến hành thu hồi đất thửa 107 – Mảnh đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính số 05-2018, tọa lạc tại: Khu phố N, phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên đối với hộ gia đình bà Hoàng Thị Thu L.

Vì không có căn cứ pháp luật.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, quy định về thi hành án và công bố quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[3] Kháng cáo:

Ngày 26-7-2023, người khởi kiện bà Hoàng Thị Thu L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 37/2023/HC- ST ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Ngày 16-8-2023 Chủ tịch UBND thành phố T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị điều chỉnh diện tích thu hồi đất tại Quyết định 1215/QĐ-UBND ngày 07-4-2021 từ 46,2m² thành 49,8m². Ngày 06-9-2023 Chủ tịch UBND thành phố T có đơn xin rút toàn bộ nội dung đơn kháng cáo ngày 16-8-2023. Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện các thủ tục kháng cáo.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Hoàng Thị Thu L giữ nguyên kháng cáo. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người kháng cáo trình bày tranh luận cho rằng trên thửa đất 107 hộ gia đình bà L đã làm nhà ở ổn định từ rất lâu năm 1993 và là ngôi nhà duy nhất, khi xây dựng nhà thì không bị xử phạt hành chính, hiện trạng đang sử dụng để ở, phiếu xác nhận kết quả đo đạc năm 2018 cũng thừa nhận là đất ở đô thị, nên khi thu hồi không bồi thường và tái định cư là rất thiệt thòi cho hộ gia đình bà L, vì hoàn cảnh của bà đang rất khó khăn, hiện không có chỗ ở. Đối với thửa 131 diện tích 317 m² là đất của Cha mẹ bà L để lại và bà L chỉ địa diện kê khai chứ không được sử dụng, vì gia đình cha mẹ bà L còn nhiều người con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Bác đơn kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về yêu cầu khởi kiện:

Ngày 01/12/2022, bà Hoàng Thị Thu L có Đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

+ Hủy Quyết định số 1215/QĐ-UBND ngày 07/4/2021 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất để thực hiện Công trình: Đầu tư mở rộng dự án T, phường E, thành phố T;

+ Hủy Quyết định số 1219/QĐ-UBND ngày 07/4/2021 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện Công trình: Đầu tư mở rộng dự án T, phường E, thành phố T (Phường I, Đ) kèm theo Phương án số 12/PA-PTQĐ ngày 31/3/2021 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T – phần liên quan đến bà Hoàng Thị Thu L;

+ Hủy Quyết định số 1613/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 của UBND thành phố T về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đối với bà Hoàng Thị Thu L trúng giải tỏa Công trình: Đầu tư mở rộng dự án T, phường E, thành phố T (Phường I, Đ);

+ Hủy Quyết định số 18/QĐ-CC ngày 16/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc cưỡng chế thu hồi đất; Quyết định số 4626/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T “*V/v điều chỉnh một phần nội dung Điều 1, Quyết định số 18/QĐ-CC ngày 16/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T*”;

Với lý do khi thực hiện Công trình đầu tư mở rộng dự án Tiểu Công viên thanh thiếu niên giai đoạn 4 đã thu hồi đất của hộ gia đình bà L tại thửa 107 – Mảnh đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính số 05-2018, tọa lạc tại: Khu phố N, phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên; nhưng không bồi thường về đất và giải quyết tái định cư.

[2] Xem xét về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:

Diện tích 49,8m² đất thuộc thửa 107 – Mảnh đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính số 05-2018, tọa lạc tại: Khu phố N, phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên hiện bà L đang khởi kiện hành chính là thuộc một phần của thửa đất 194, tờ bản đồ 280A, loại đất: Hg (đất hoang); diện tích 11.120m², tên chủ sử dụng đất là: P đất chưa sử dụng (đất do nhà nước quản lý) theo Bản đồ địa chính đo đạc năm 1994, Sổ mục kê năm 1998.

Cũng theo Sổ mục kê lập năm 1998 thì bà L có tên trong Sổ mục kê tại thửa 131, TĐĐ 280A, diện tích 317m² (trong đó có 200m² đất Thổ, 51m² đất quy hoạch Thổ và 66m² đất QHGT), vị trí thửa đất này không phải là vị trí thửa đất trúng giải tỏa thu hồi của Dự án nêu trên; hiện trạng hai thửa đất 131 và 107 nằm đối diện nhau – cách nhau đường M).

Bà Hoàng Thị Thu L lập gia đình năm 1990 và sinh sống tại thửa đất 131. Đến năm 2005, bà L chiếm phần diện tích 49,8m² đất, thửa 107 (là thuộc một

phần của thửa 194), sử dụng dựng nhà tạm để ở cho đến nay phù hợp với thông tin hộ khẩu bà L (BL 10) và thông tin tại Sổ hộ khẩu của bà Hoàng Thị Thu L2 thể hiện bà L trước đây ở cùng hộ với bà L2 nhưng đến ngày 22/12/2005 thì tách hộ (Bl 166 – 2). Bà L cho rằng bà đã ở trên thửa 107 từ năm 1993 nhưng không có đăng ký kê khai, không có căn cứ chứng minh có quyền sử dụng đất. Do không có căn cứ sử dụng dụng đất, nên khi nhà nước thu hồi để thực hiện các Dự án công cộng thì không được bồi thường về đất và tái định cư.

[3] Xem xét kháng cáo của người khởi kiện:

Thực hiện Công trình: Đầu tư mở rộng dự án T, phường E, thành phố T, ngày 25/12/2018, Ủy ban hành Kế hoạch số 251/KH-UBND về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm và các Thông báo thu hồi đất cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có sử dụng các thửa đất bị thu hồi (trong đó có thửa 107, do bà Hoàng Thị Thu L đang sử dụng đất do UBND phường I quản lý) và UBND thành phố T, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành các quyết định hành chính có liên quan đến việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với thửa đất 107 nêu trên là đúng trình tự, thủ tục và đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản xác minh ngày 12/12/2022 của TAND tỉnh Phú Yên do bà L và đại diện I cung cấp thông tin xác định: Trường hợp bà L được hỗ trợ chi phí di chuyển nhà ở 6.000.000đồng và hỗ trợ nhà cửa, vật kiến trúc là 52.514.630đ, tổng cộng 58.514.630đ và được hỗ trợ 100.000.000đồng cùng hỗ trợ 06 tháng tiền thuê nhà từ nguồn vốn xã hội hóa (BL 43). Bà L xác định đã nhận các khoản tiền hỗ trợ này và đã tự nguyện tháo dỡ nhà ở bàn giao mặt bằng cho nhà nước thực hiện công trình.

Bản án sơ thẩm đã xem xét, đánh giá toàn bộ các tài liệu chứng cứ và đã quyết định bác yêu cầu khởi kiện là có cơ sở, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

[4] Về kháng cáo của người bị kiện:

Ngày 16-8-2023 Chủ tịch UBND thành phố T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Ngày 06-9-2023 Chủ tịch UBND thành phố T có đơn xin rút toàn bộ nội dung đơn kháng cáo ngày 16-8-2023; Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm thủ tục kháng cáo, nên xem như không có kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: bà L là người cao tuổi, thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí theo quy định pháp luật theo điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật Tố tụng hành chính; Bác kháng cáo của bà Hoàng Thị Thu L; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2023/HC-ST ngày 25 tháng 7 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm người kháng cáo bà Hoàng Thị Thu L được miễn nộp.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ III-TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Long